

ĐỀ THI HỌC KỲ..... LẦN ...NĂM HỌC:
 Ngành/Lớp :
 Môn thi : **TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG B**
 Mã môn học : ...340002 Số ĐVHT/TC:...3.....
 Ngày thi :
 Thời gian làm bài: 90 phút
 Mã đề (Nếu có) : **THB13**

KHÔNG SỬ DỤNG TÀI LIỆU

Câu 1: Tạo cơ sở dữ liệu (HoTenSV_MSSV.MDB) để quản lý như sau: (3 điểm)

- Giả sử cơ sở dữ liệu gồm các Table sau đây được dùng cho việc quản lý công nhân trong các phân xưởng và tính lương theo sản phẩm:

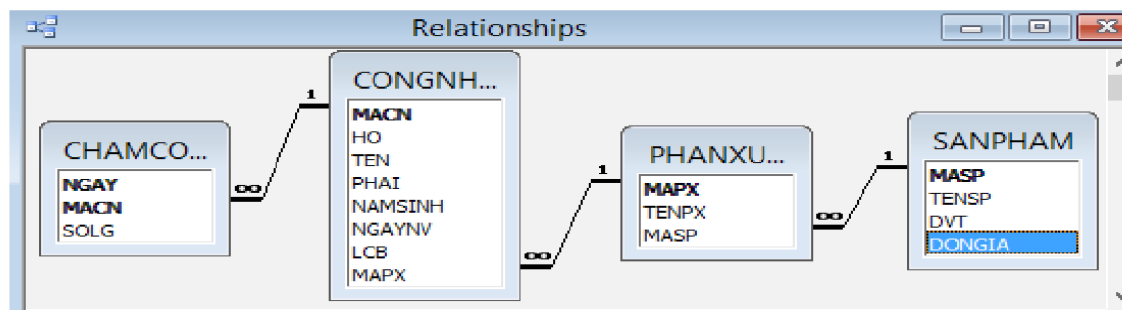
CHAMCONG(NGAY,MACN, SOLG)

CONGNHAN(MACN,HO,TEN, PHAI, NGAYSINH, NGAYNV, LCB, MAPX)

SANPHAM(MASP,TENSP,DVT, DONGIA)

PHANXUONG(MAPX,TENPX, MASP)

- Dựa vào mối quan hệ và dữ liệu mẫu của các Table, hãy chọn kiểu dữ liệu các Field cho phù hợp khi thiết kế. **Khoá chính** của bảng là các Field **in đậm**.
- Dữ liệu kiểu số phải lớn hơn không (≥ 0), dữ liệu ngày theo format dd/mm/yyyy
- Tạo quan hệ (Relationship) giữa các bảng theo hình.
- Tạo các Combo box tham chiếu dữ liệu cho các quan hệ 1 - ∞



Cho cơ sở dữ liệu (CSDL) có mối quan hệ giữa các Table như sau:

CHAMCONG : Table			
	NGAY	MACN	SOLG
▶	05/01/2009	NV1	10
	05/01/2009	NV2	15
	05/01/2009	NV3	8
	10/01/2009	NV1	12
	10/01/2009	NV3	3
	10/01/2009	NV7	17
	10/01/2009	NV8	11
	10/01/2009	NV9	7
	07/02/2009	NV1	10
	07/02/2009	NV3	16
	07/02/2009	NV4	13
	15/02/2009	NV3	11
	15/02/2009	NV7	12

CONGNHAN : Table								
	MACN	HỌ	TÊN	PHÁI	NĂM SINH	NGAYNV	LCB	MAPX
+	NV1	Nguyễn Minh	Nhật	NAM	1970	25/12/2008	300,000	PX1
+	NV2	Lã Quốc	Việt	NAM	1975	01/01/2008	450,000	PX3
+	NV3	Trần Thị	Bích	NỮ	1965	01/01/2009	500,000	PX1
+	NV4	Lê Thị	Mỹ	NỮ	1980	01/04/2007	300,000	PX2
+	NV5	Lê Hữu	Thiện	NAM	1981	16/02/2006	250,000	PX3
+	NV6	Trần Thị	Bích	NỮ	1974	17/12/2008	390,000	PX4
+	NV7	Lê Văn	Hòa	NAM	1975	06/10/2008	350,000	PX1

SANPHAM : Table				
	MASP	TENSP	DVT	DONGIA
+	G1	Giỏ xách	Cái	10000
+	G2	Giày	Đôi	15000
+	N1	nón	Cái	6000

PHANXUONG : Table			
	MAPX	TENPX	MASP
+	PX1	Phân xưởng 1	G1
+	PX2	Phân xưởng 2	G2
+	PX3	Phân xưởng 3	N1
+	PX4	Phân xưởng 4	G2

Câu 2: Tạo các truy vấn (Query) sau (3 điểm)

- 1) Cho biết danh sách gồm **NGAY, MACN, TEN, SOLG, DONGIA, TIENCONG** tương ứng với thông tin về chấm công trong tháng 2 năm 2009. Trong đó: **TIENCONG=SOLG*DONGIA**.
- 2) Tính tổng số lượng sản phẩm mà từng công nhân trong phân xưởng 1 (PX1) làm được. Kết quả gồm các thông tin: **TENSP, MACN, TENCN, TONGSL**.
- 3) Tìm những công nhân chưa có số lượng trong tháng 1, thông tin hiển thị **MACN, HỌ, TÊN CÔNG NHÂN**.
- 4) Tìm những phân xưởng có cùng sản xuất một sản phẩm, thông tin: **MAPX, TENPX, TENSP**
- 5) Tạo **Crosstab Query** thống kê Tiền công của từng công nhân theo từng tháng. Thông tin theo mẫu

Cau-2e : Crosstab Query

MACN	Họ và Tên	TỔNG TIỀN CÔNG	THÁNG 1	THÁNG 2
NV1	Nguyễn Minh Nhật	320000	220,000	100,000
NV2	Lã Quốc Việt	90000	90,000	
NV3	Trần Thị Bích	380000	110,000	270,000
NV4	Lê Thị Mỹ	195000		195,000
NV5	Lê Hữu Thiện	174000	102,000	72,000
NV6	Trần Thị Bích	165000	165,000	
NV7	Lê Văn Hòa	70000	70,000	

Câu 3: Tạo Form Main/Sub như mẫu sau (2 điểm)

THÔNG TIN CÔNG NHÂN TRONG CÁC PHÂN XƯỞNG

MÃ PHÂN XƯỞNG: PX1 TÊN PHÂN XƯỞNG: Phân xưởng 1

MÃ SẢN PHẨM: G1 TENS: Giỏ sách

DANH SÁCH CÁC CÔNG NHÂN:

MÃ CÔNG NHÂN	HỌ TÊN	PHÁI	NĂM SINH	NGÀY NHẬN VIỆC	LƯƠNG CĂN BẢN
NV1	Nguyễn Minh Nhật	NAM	1970	25/12/2008	300,000
NV3	Trần Thị Bích	NỮ	1965	01/01/2009	500,000
NV7	Lê Văn Hòa	NAM	1975	06/10/2008	350,000

Record: 14 4 of 4 No Filter Search

TỔNG SỐ CÔNG NHÂN TRONG PHÂN XƯỞNG: 3 **TỔNG LƯƠNG CĂN BẢN:** 1,150,000

⏪ ⏴ ⏵ ⏩

THOÁT

Câu 4: Tạo Report như mẫu sau (2 điểm)**THEO DÕI SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM CỦA
TỪNG PHẦN XƯỞNG**MÃ PHẦN XƯỞNG: **PX1**TÊN PHẦN XƯỞNG: **Phân xưởng 1**MÃ SẢN PHẨM: **G1**TÊN SẢN PHẨM: **Giỏ sách**

STT	NGÀY	MÃ CN	HỌ	TÊN CN	SỐ LƯỢNG
1	05/01/2009	NV3	Trần Thị	Bích	8
2	05/01/2009	NV1	Nguyễn Minh	Nhật	10
3	10/01/2009	NV7	Lê Văn	Hòa	7
4	10/01/2009	NV3	Trần Thị	Bích	3
5	10/01/2009	NV1	Nguyễn Minh	Nhật	12
6	07/02/2009	NV3	Trần Thị	Bích	16
7	07/02/2009	NV1	Nguyễn Minh	Nhật	10
8	15/02/2009	NV3	Trần Thị	Bích	11

TỔNG SỐ LƯỢNG SP: 77MÃ PHẦN XƯỞNG: **PX2**TÊN PHẦN XƯỞNG: **Phân xưởng 2**MÃ SẢN PHẨM: **G2**TÊN SẢN PHẨM: **Giày**

STT	NGÀY	MÃ CN	HỌ	TÊN CN	SỐ LƯỢNG
1	07/02/2009	NV4	Lê Thị	Mỹ	13

TỔNG SỐ LƯỢNG SP: 13MÃ PHẦN XƯỞNG: **PX3**TÊN PHẦN XƯỞNG: **Phân xưởng 3**MÃ SẢN PHẨM: **N1**TÊN SẢN PHẨM: **Nón**

STT	NGÀY	MÃ CN	HỌ	TÊN CN	SỐ LƯỢNG
1	05/01/2009	NV2	Lã Quốc	Việt	15
2	10/01/2009	NV5	Lê Hữu	Thiện	17
3	15/02/2009	NV5	Lê Hữu	Thiện	12

TỔNG SỐ LƯỢNG SP: 44*(Tiếp theo cho những mẫu tin khác)*